

KẾ HOẠCH

Thực hiện Chương trình giải quyết tình trạng xây dựng công trình, nhà ở lấn, chiếm sông, kênh, rạch trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp đến năm 2030 (giai đoạn 2024-2025)

Thực hiện Quyết định số 852/QĐ-UBND ngày 24/9/2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Tháp phê duyệt Chương trình giải quyết tình trạng xây dựng công trình, nhà ở lấn, chiếm sông, kênh, rạch trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp đến năm 2030 (giai đoạn 2024 - 2025). Ủy ban nhân dân (UBND) Tỉnh xây dựng Kế hoạch triển khai thực hiện Chương trình như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

- Cụ thể hóa Chương trình giải quyết tình trạng xây dựng công trình, nhà ở lấn, chiếm sông, kênh, rạch trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp đến năm 2030.
- Đề ra các giải pháp cụ thể để thực hiện mục tiêu giai đoạn 2024-2025 của Chương trình.

2. Yêu cầu

- Người đứng đầu các cơ quan, đơn vị được giao nhiệm vụ thực hiện trong Kế hoạch này phải xác định đây là nhiệm vụ chính trị của cá nhân.
- Quá trình thực hiện phải bám sát mục tiêu, nội dung của Chương trình để triển khai thực hiện, bảo đảm hiệu quả, thực chất, trách nhiệm của từng cấp, từng ngành, từng cơ quan, đơn vị, địa phương nhằm phát huy tối đa các nguồn lực trong triển khai thực hiện Chương trình, bảo đảm tiến độ, tiết kiệm, hiệu quả.

II. NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP (đính kèm Phụ lục chi tiết)

1. Nhiệm vụ

- Tổ chức hội nghị triển khai Chương trình và công tác lập lại trật tự xây dựng trên địa bàn Tỉnh.
- Thành lập Ban chỉ đạo các cấp theo dõi, giám sát, kiểm tra, đôn đốc việc thực hiện các nội dung của chương trình.
- Tăng cường quản lý nhà nước và xử lý nghiêm các sai phạm về trật tự xây dựng, quy hoạch xây dựng, quy hoạch sử dụng đất; ngăn chặn việc phát triển nhà ở ven sông, rạch không đúng quy định.
- Hàng năm thường xuyên hướng dẫn, tập huấn đối với các địa phương thực hiện tốt các quy định của pháp luật trong lĩnh vực đất đai, quy hoạch, trật tự xây dựng, quản lý các tuyến đường thủy nội địa, về lĩnh vực thủy lợi, đề

điều, kinh doanh xăng dầu theo quy định và chỉ đạo các đơn vị trực thuộc phối hợp với địa phương xử lý kịp thời các trường hợp vi phạm.

- Xây dựng Kế hoạch thông tin, truyền thông để tạo sự đồng thuận trong nhân dân trên địa bàn thực hiện các nội dung trọng tâm của Chương trình.

- Lập kế hoạch lập lại trật tự xây dựng trên địa bàn bảo đảm thực chất, hiệu quả.

- Kiểm tra, rà soát các cơ sở dữ liệu liên quan đến công tác quản lý kết cấu hạ tầng giao thông, các tuyến đường thủy nội địa trên địa bàn tỉnh. Quản lý chặt việc xây dựng các bến thủy nội địa, cảng thủy nội địa theo mục đích sử dụng đất và quy mô giấy phép bến thủy, cảng thủy nội địa.

- Tổ chức thực hiện cấm các móc chỉ giới các tuyến đường thủy nội địa theo phân cấp quản lý.

- Xây dựng các giải pháp khắc phục tình trạng nuôi cá lồng bè không đúng quy hoạch vùng nuôi theo quy định.

- Đẩy nhanh tiến độ triển khai các dự án xây dựng các công trình kè trên địa bàn tỉnh.

- Phối hợp và nghiên cứu các giải pháp để thu hút đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng và phát triển nhà ở theo dự án.

- Rà soát quỹ đất nhằm xác định quỹ đất để phát triển nhà ở. Quản lý việc thực hiện các dự án phát triển nhà ở trên địa bàn.

- Rà soát nhu cầu nhà ở của các hộ chính sách, hộ người có công, hộ nghèo cần hỗ trợ nhà ở.

- Thực hiện kế hoạch vốn để cho các hộ gia đình, cá nhân trong nước có nhu cầu mua, thuê mua nhà ở xã hội vay với lãi suất ưu đãi theo quy định.

- Thực hiện các chính sách giải quyết việc làm cho các hộ dân khi thực hiện di dời.

- Thẩm định dự toán kinh phí, tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh bố trí ngân sách Nhà nước để thực hiện Chương trình phù hợp khả năng ngân sách và theo đúng quy định hiện hành.

- Tiến hành rà soát xác định vị trí, hướng tuyến, xây dựng kế hoạch triển khai thực hiện các công trình dự kiến đầu tư thực hiện chỉnh trang cảnh quan các khu vực ven sông, kênh, rạch; ưu tiên thực hiện tại các khu vực nội thành, nội thị, đề xuất cấp có thẩm quyền xem xét, phân bổ nguồn vốn thực hiện (các dự án phải đáp ứng điều kiện bố trí vốn hằng năm theo quy định), đồng thời huy động các nguồn lực xã hội hóa để đầu tư (*Thời gian thực hiện trước ngày 31/10/2024*).

- Nghiên cứu tổ chức lập quy hoạch chi tiết hoặc quy chế quản lý và triển khai thực hiện một số đồ án quy hoạch chi tiết xây dựng, thiết kế đô thị cho các khu vực ven sông, kênh, rạch, nhằm khai thác hiệu quả quỹ đất ven sông, rạch.

- Tiến hành triển khai thí điểm chỉnh trang ít nhất **02 tuyến** đường sông (do Trung ương và Tỉnh quản lý) tại các đoạn đi qua 03 thành phố: Cao Lãnh,

Sa Đéc và Hồng Ngự. Các địa phương còn lại triển khai thí điểm chỉnh trang **01 tuyến** tại các đoạn sông, kênh, rạch thuộc khu vực đô thị theo thứ tự ưu tiên của các tiêu chí nêu **tại mục 2.2.3** và phân đầu thực hiện giải quyết các trường hợp lấn chiếm số lượng theo **Phụ lục 06** đính kèm kế hoạch này.

- Tổ chức rà soát, nắm lại số lượng các công trình, nhà ở lấn chiếm phát sinh sau kết quả khảo sát tháng 03/2022; đồng thời làm cơ sở để tiến hành khảo sát lại vào cuối năm 2025.

- Tổ chức sơ kết đánh giá công tác thực hiện Chương trình để rút kinh nghiệm và tiến hành triển khai tiếp tục nội dung của Chương trình tại các khu vực còn lại trên địa bàn tỉnh.

2. Giải pháp

2.1. Nhóm giải pháp không để phát sinh các trường hợp vi phạm mới

a) Thực hiện công tác tuyên truyền, tập huấn nâng cao năng lực quản lý

- Tăng cường công tác tuyên truyền, phổ biến pháp luật về xây dựng công trình, nhà ở, bảo vệ các công trình thủy lợi với nhiều hình thức, phương pháp linh hoạt, dễ tiếp cận, để người dân, doanh nghiệp hiểu rõ các quy định có liên quan đến công tác quản lý trật tự xây dựng, thực hiện đúng quy định; đồng thời vận động các hộ dân thực hiện ký cam kết không vi phạm.

- Thường xuyên đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ, công chức được giao nhiệm vụ quản lý trật tự xây dựng; nâng cao hiệu quả xử lý các hành vi vi phạm pháp luật về trật tự xây dựng.

b) Hoàn thiện cơ sở pháp lý liên quan đến công tác quản lý trật tự xây dựng

- Bố trí đủ kinh phí để hoàn thành việc lắp đặt mốc chỉ giới hành lang bảo vệ luồng đường thủy nội địa, hành lang bảo vệ công trình thủy lợi, cắm mốc đất công tại các vị trí bị lấn, chiếm, để người dân, doanh nghiệp thực hiện đúng quy định và là cơ sở pháp lý để xử lý các hành vi vi phạm có liên quan.

- Lập các đồ án quy hoạch xây dựng để quản lý các khu vực bờ sông, ưu tiên các khu vực ven sông, kênh, rạch ở các khu vực đô thị, gắn với công trình thủy lợi, chống ngập, du lịch văn hóa giải trí và thiết kế đô thị hai bên sông. Lập quy chế quản lý kiến trúc các khu vực ven sông tại các đô thị.

c) Nâng cao trách nhiệm quản lý, thực hiện nghiêm chế tài xử lý các trường hợp vi phạm có liên quan

- Lập đường dây nóng tiếp nhận phản ánh, kiến nghị; có giải pháp phát huy việc người dân phát hiện và cung cấp thông tin các trường hợp vi phạm pháp luật về trật tự xây dựng; cụ thể hóa các nội dung tuân thủ quy định pháp luật về trật tự xây dựng vào việc chấm điểm gia đình văn hóa, đảm bảo an ninh trật tự...

- Người đứng đầu khóm, ấp có trách nhiệm thực hiện giám sát để chủ động kịp thời phát hiện các trường hợp xây dựng công trình, nhà ở vi phạm trên địa bàn quản lý.

- Ứng dụng công nghệ thông tin trong công khai, cung cấp, tra cứu thông tin về quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất... qua các ứng dụng di động, trang thông tin điện tử, nhằm tạo điều kiện thuận lợi trong việc quản lý, tra cứu thông tin về đất đai, làm cơ sở quản lý trật tự xây dựng.

- Thực hiện nghiêm các quy định về phân cấp quản lý trật tự xây dựng; xây dựng quy chế phối hợp có phân công trách nhiệm rõ ràng giữa các chủ thể có liên quan; tăng cường công tác kiểm tra sau cấp phép xây dựng, nhằm ngăn chặn hành vi lấn, chiếm đất không đúng quy định.

- Quyết liệt trong xử lý vi phạm, thậm chí thực hiện cưỡng chế, phá dỡ công trình vi phạm, xem xét xử lý hình sự đối với tập thể, cá nhân liên quan nếu có dấu hiệu tội phạm.

- Không xác lập quyền sử dụng đất, không cấp phép xây dựng và quyền sở hữu nhà ở đối với nhà đất vi phạm trật tự xây dựng, kiên quyết cưỡng chế phá dỡ các trường hợp phát sinh.

- Nâng cao trách nhiệm của các cơ quan được phân công công tác quản lý trật tự xây dựng (**đặc biệt là cấp xã**), thường xuyên kiểm tra, theo dõi việc xây dựng nhà ở của người dân, doanh nghiệp, xử lý kịp thời các trường hợp vi phạm theo quy định của pháp luật; đặc biệt là việc thực hiện các biện pháp khắc phục hậu quả (bắt buộc phá dỡ trả lại nguyên trạng hành lang đường bộ, đường thủy và không gian ven sông vốn có).

- Trên cơ sở dữ liệu khảo sát về các trường hợp lấn, chiếm sông, kênh, rạch trên địa bàn tỉnh, địa phương nào dễ phát sinh trường hợp vi phạm mới thì xem xét **xử lý trách nhiệm người đứng đầu địa phương đó**.

2.2. Nhóm giải pháp từng bước giải quyết các trường hợp lấn, chiếm sông, kênh, rạch đã tồn tại trước đây

Giai đoạn 2024-2025, phấn đấu giải quyết được 5.000 trường hợp đã tồn tại trước đây.

2.2.1. Vận động người dân, doanh nghiệp tự tháo dỡ, di dời (*phấn đấu tháo dỡ, di dời được 500 trường hợp*)

Đối với các trường hợp lấn, chiếm đất một phần vận động người dân, doanh nghiệp tự tháo dỡ, di dời thông qua việc thực hiện đồng bộ các giải pháp sau:

- Cán bộ, công chức, viên chức phải là những người đi đầu gương mẫu trong việc chấp hành các quy định của pháp luật về xây dựng.

- Vận động cá nhân có uy tín trong khu vực để hỗ trợ tuyên truyền, thuyết phục người dân, doanh nghiệp chấp hành tốt pháp luật về xây dựng và tự giác tháo dỡ.

- Có hình thức biểu dương những cá nhân, hộ gia đình chấp hành tốt việc tự giác tháo dỡ công trình, nhà ở vi phạm. Trong quá trình tuyên truyền, vận động cần quan tâm tìm hiểu những khó khăn của người dân, doanh nghiệp để có giải pháp hỗ trợ kịp thời.

- Các giải pháp khác phù hợp với điều kiện xã hội của từng địa phương.

2.2.2. Xem xét hỗ trợ, bồi thường công trình, nhà ở, vật kiến trúc

Thực hiện xem xét, giải quyết việc hỗ trợ bồi thường các công trình, nhà ở, vật kiến trúc theo quy định của pháp luật.

2.2.3. Xem xét hỗ trợ chỗ ở cho người dân (đối với các trường hợp **không có quyền sử dụng đất ở ở vị trí khác**), xem xét hỗ trợ chỗ ở như sau:

a) Thông qua các chương trình (đến năm 2030), dự án đầu tư công đến năm 2025 của tỉnh:

Giai đoạn **2024-2025**, phần đầu giải quyết khoảng **5.000 trường hợp** (cần xem xét hỗ trợ chỗ ở) được bố trí vào các Chương trình, dự án sau: dự án bố trí ổn định dân cư; các dự án nhà ở xã hội mời gọi đầu tư; các dự án nhà ở xã hội sử dụng quỹ đất 20% trong dự án nhà ở thương mại (mời gọi đầu tư); các dự án kè (*tại Phụ lục 7*); các dự án chỉnh trang.

b) Các địa phương rà soát, đầu tư dự án cụ thể cho từng khu vực, trên cơ sở nghiên cứu thứ tự ưu tiên theo các tiêu chí sau:

- (1) Khu vực có nguy cơ sạt lở cao, gây mất an toàn cho công trình, nhà ở.
- (2) Khu vực gây mất an toàn giao thông đường thủy.
- (3) Khu vực gây ảnh hưởng xấu đến môi trường, an ninh nguồn nước.
- (4) Khu vực xảy ra lún, chiếm phức tạp cần chỉnh trang đô thị.
- (5) Khu vực các đoạn sông, kênh, rạch đi qua nội ô các đô thị có giá trị về cảnh quan (lịch sử hình thành và phát triển khu vực, đời sống của người dân, sự ảnh hưởng khi có tồn tại của khu dân cư ven sông, kênh, rạch đó).

2.2.4. Nghiên cứu, xác lập một số đồ án quy hoạch chi tiết xây dựng, thiết kế đô thị cho các khu vực ven sông, kênh, rạch, nhằm khai thác hiệu quả quỹ đất ven sông, rạch; không đặt nặng mục tiêu về lợi ích kinh tế trước mắt, chủ yếu thực hiện chỉnh trang vì lợi ích cộng đồng, đảm bảo cảnh quan, môi trường và phát triển bền vững. Trường hợp địa phương có nguồn lực còn hạn chế chưa đáp ứng được yêu cầu về phủ kín các quy hoạch xây dựng, phải khẩn trương xây dựng quy chế quản lý kiến trúc để làm cơ sở quản lý trật tự xây dựng, cấp giấy phép xây dựng.

2.2.5. Nghiên cứu giải pháp giữ lại hiện trạng, chấp nhận tồn tại nhà ở, công trình đã xây dựng, nếu xét thấy phù hợp với định hướng phát triển lâu dài của đô thị (các khu vực có giá trị lịch sử, du lịch, bảo đảm phù hợp quy hoạch cảnh quan), đảm bảo an toàn giao thông đường thủy.

Xây dựng khung pháp lý, quy chế quản lý thống nhất, đồng bộ. Trong đó, xác định rõ trách nhiệm cơ quan nhà nước và vai trò tham gia của người dân, doanh nghiệp, cũng như có biện pháp chế tài đủ mạnh để triển khai thực hiện quy chế này.

2.2.6. Các giải pháp khác

a) Về thông tin, tuyên truyền

Đẩy mạnh công tác thông tin, tuyên truyền, đổi mới hình thức phổ biến nhằm phát huy sức mạnh cộng đồng trong việc hỗ trợ các đối tượng chính sách

xã hội, các hộ nghèo, hoàn cảnh khó khăn thuộc khu vực đô thị, nông thôn, cải thiện chỗ ở.

b) Về chính sách

- Nghiên cứu chính sách ưu đãi, mời gọi đầu tư các dự án nhà ở xã hội, huy động nhà đầu tư nghiên cứu phát huy tiềm năng hành lang các tuyến sông, kênh, rạch; tổng hợp những khó khăn, vướng mắc khi thực hiện các quy định của pháp luật có liên quan, đề kiến nghị cấp thẩm quyền điều chỉnh cho phù hợp tình hình thực tế của Tỉnh.

- Tiếp tục cải cách thủ tục hành chính, nâng cao chất lượng phục vụ, theo hướng đơn giản, số hóa, tạo mọi điều kiện thuận lợi cho người dân, doanh nghiệp khi tham gia hoạt động xây dựng; đặc biệt là việc thực hiện các dự án nhà ở xã hội.

- Nghiên cứu xây dựng chính sách hỗ trợ đào tạo nghề, chuyển đổi nghề cho các hộ thực hiện tái định cư (trong đó chú trọng hình thức và phương pháp chuyển đổi nghề); cần xem xét và thực hiện phù hợp với tình hình thực tế, nhu cầu của khu vực được bố trí tái định cư để người dân có thể sinh sống bằng nghề được chuyển đổi.

c) Về rà soát các nguồn lực, tạo chỗ ở cho người dân

** Đất ở*

- Thực hiện rà soát quy hoạch sử dụng đất trong đó chú trọng đến diện tích đất phát triển nhà ở, đặc biệt là nhà ở xã hội (quỹ đất 20% phát triển nhà ở xã hội tại các dự án nhà ở thương mại, dự án khu đô thị), khai thác có hiệu quả nguồn lực về đất đai.

- Dành quỹ đất cho việc phát triển nhà ở, đặc biệt ưu tiên đối với dự án di dời các hộ dân có nhà ở ven sông, kênh rạch; phát triển quỹ đất, quỹ nhà ở để bố trí tái định cư nhằm chủ động trong việc bồi thường, giải phóng mặt bằng thực hiện các dự án đầu tư phát triển cơ sở hạ tầng, chỉnh trang đô thị.

- Phát triển quỹ đất sạch thông qua Quỹ phát triển đất của Tỉnh để tổ chức lựa chọn nhà đầu tư thực hiện các dự án nhà ở xã hội, nhà ở cho người có thu nhập thấp, khu vực tái định cư.

- Thực hiện các dự án Bố trí dân cư, xây dựng cơ sở hạ tầng phục vụ di dời, bố trí, sắp xếp, ổn định dân cư, tái định cư dân cư vùng thiên tai, sạt lở nguy hiểm từ ngân sách nhà nước (ngân sách Trung ương hỗ trợ và ngân sách Tỉnh), vốn huy động hợp pháp khác.

** Về vốn*

- Kêu gọi đầu tư, đa dạng hóa các nguồn vốn đầu tư phát triển cơ sở hạ tầng, chỉnh trang đô thị.

- Đối với nguồn vốn ngân sách Nhà nước:

+ Quản lý sử dụng nguồn vốn thu từ quỹ đất 20% phát triển nhà ở xã hội trong các dự án khu đô thị mới, dự án nhà ở thương mại do các chủ đầu tư lựa chọn hình thức nộp tiền tương đương giá trị quỹ đất 20%;

+ Ngân sách nhà nước hỗ trợ xây dựng nhà ở cho các đối tượng chính sách, hộ nghèo, đảm bảo an sinh xã hội, góp phần nâng cao tỷ lệ nhà ở kiên cố, bán kiên cố trên địa bàn tỉnh.

- Đối với nguồn vốn ngoài ngân sách Nhà nước: Khuyến khích các thành phần kinh tế sử dụng vốn chủ sở hữu, vốn vay ngân hàng và nguồn vốn huy động hợp pháp để đầu tư xây dựng nhà ở xã hội.

- Tạo điều kiện thuận lợi về mặt bằng, công trình hạ tầng, thủ tục hành chính để huy động nhanh nguồn vốn từ nhân dân, doanh nghiệp trong việc xây dựng nhà ở xã hội.

- Lồng ghép vào các chương trình, mục tiêu để giải quyết nhu cầu về nhà ở của các hộ gia đình ở ven sông, kênh, rạch; đặc biệt đối với đối tượng chính sách, trong vùng sạt lở, di cư biên giới, từ đó từng bước chỉnh trang, di dời nhà ở ven sông, kênh, rạch trên địa bàn tỉnh.

d) Về nguồn lực nội sinh

- Tiếp tục quán triệt sâu sắc đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng về đại đoàn kết toàn dân tộc.

- Thường xuyên đối thoại, lắng nghe, nắm bắt kịp thời tâm tư, tình cảm, nguyện vọng của nhân dân.

- Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, đa dạng hóa các hình thức tập hợp và phát huy tối đa mọi nguồn lực trong các tầng lớp nhân dân.

- Tăng cường sự đồng thuận, hợp tác trong các tầng lớp nhân dân, góp phần thực hiện thắng lợi Nghị quyết số 15/NQ-HĐND ngày 01/7/2024 của HĐND Tỉnh và Chương trình giải quyết tình trạng xây dựng công trình, nhà ở lấn, chiếm sông, kênh, rạch trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp đến năm 2030.

III. KINH PHÍ VÀ NGUỒN VỐN THỰC HIỆN *(Đính kèm phụ lục chi tiết)*

Kinh phí thực hiện cho giai đoạn 2024-2025 là **515,940 tỷ đồng**, Trong đó:

- Kinh phí cho việc không để phát sinh các trường hợp lấn, chiếm mới: **112,940 tỷ đồng**, sử dụng từ nguồn ngân sách nhà nước theo phân cấp *(trong đó: cấp Tỉnh sử dụng nguồn vốn chi thường xuyên là 1,755 tỷ và cấp huyện cân đối sử dụng nguồn vốn nhà nước theo phân cấp là 111,185 tỷ)*.

- Kinh phí xem xét bồi thường, hỗ trợ công trình, nhà ở, vật kiến trúc cho các trường hợp đã lấn, chiếm trước đây: **403 tỷ đồng**, sử dụng nguồn vốn huy động, lồng ghép từ các chương trình, kế hoạch, dự án được cấp thẩm quyền phê duyệt và các nguồn vốn hợp pháp khác.

IV. PHÂN CÔNG TRÁCH NHIỆM

1. Sở Xây dựng

- Chủ trì, phối hợp các ngành liên quan và UBND huyện, thành phố tham mưu UBND Tỉnh lập kế hoạch triển khai thực hiện Chương trình theo lộ trình; đồng thời hướng dẫn, đôn đốc và đề xuất giải quyết những khó khăn vướng

mắc trong quá trình thực hiện; tổng hợp báo cáo kết quả thực hiện Chương trình đến UBND Tỉnh định kỳ và đột xuất theo yêu cầu.

- Hỗ trợ về chuyên môn cho các địa phương khi có yêu cầu trong việc xây dựng các đồ án quy hoạch chi tiết xây dựng, thiết kế đô thị cho các khu vực ven sông, kênh, rạch, nhằm khai thác hiệu quả quỹ đất ven sông, kênh, rạch.

2. Sở Tài nguyên và Môi trường

- Chủ trì, phối hợp với Sở Xây dựng và UBND huyện, thành phố rà soát Chương trình phát triển nhà ở được phê duyệt để xác định quỹ đất để phát triển nhà ở trong Quy hoạch cấp tỉnh, Quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất cấp huyện.

- Phối hợp với Sở Xây dựng rà soát lại quỹ đất đã giao cho các chủ đầu tư để thực hiện dự án nhà ở xã hội, nhà ở cho người có thu nhập thấp; tham mưu UBND Tỉnh thu hồi quỹ đất đã giao đối với những dự án chậm triển khai hoặc không thực hiện theo quy định của pháp luật, để lựa chọn nhà đầu tư có đủ năng lực triển khai thực hiện dự án.

- Chủ trì, phối hợp với các Sở, ngành Tỉnh và UBND huyện, thành phố thực hiện dự án Điều tra rà soát, thống kê, quỹ đất do Nhà nước quản lý, đất sông, ngòi, kênh rạch... đo đạc trích đo thửa đất, khu đất, kê khai đăng ký đất để quản lý theo quy định và xây dựng cơ sở dữ liệu để khai thác sử dụng.

- Thường xuyên hướng dẫn, tập huấn đối với UBND cấp xã trong việc xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai đối với các hành vi lấn, chiếm đất sông, ngòi, kênh, rạch theo quy định.

3. Sở Giao thông vận tải

- Kiểm tra, rà soát các cơ sở dữ liệu liên quan đến công tác quản lý kết cấu hạ tầng giao thông, các tuyến đường thủy nội địa trên địa bàn tỉnh và cung cấp thông tin kịp thời khi các ngành có liên quan yêu cầu.

- Hướng dẫn các địa phương thực hiện tốt các quy định pháp luật về quản lý các tuyến đường thủy nội địa và chỉ đạo các đơn vị trực thuộc phối hợp với địa phương xử lý kịp thời các trường hợp vi phạm.

- Quản lý chặt việc xây dựng các bến thủy nội địa, cảng thủy nội địa theo mục đích sử dụng đất và quy mô giấy phép bến thủy, cảng thủy nội địa.

- Tổ chức thực hiện cấm các móc chỉ giới các tuyến đường thủy nội địa theo phân cấp quản lý.

4. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

- Phối hợp với các đơn vị quản lý nhà nước lập kế hoạch và tổ chức thực hiện cấm móc chỉ giới phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi và tổ chức thực hiện sau khi được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

- Đẩy nhanh tiến độ triển khai các dự án xây dựng các công trình kè do Sở làm chủ đầu tư trên địa bàn tỉnh.

- Tổ chức tập huấn hằng năm cho cấp huyện các quy định quản lý về lĩnh vực thủy lợi, đề điều và các văn bản về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi, đề điều; nhằm xử lý dứt điểm các

hành vi vi phạm lấn, chiếm sông, kênh, rạch, đất bãi bồi ven sông trên địa bàn tỉnh trong thời gian tới.

- Lập kế hoạch nạo vét khơi thông dòng chảy, độ sâu một số khu vực trong vùng quy hoạch nuôi cá lồng bè đã có hiện tượng bồi lắng cục bộ.

- Nghiên cứu giải pháp kỹ thuật nhằm đáp ứng yêu cầu tốc độ dòng chảy ở một số khu vực, bổ sung thêm nơi neo đậu bè an toàn và hạn chế tình trạng sạt lở bờ sông.

- Hướng dẫn người nuôi lồng bè thực hiện đăng ký nuôi lồng bè theo Nghị định số 26/2019/NĐ-CP ngày 08/3/2019 của Chính phủ.

- Chủ động phối hợp đơn vị liên quan lập, trình Ủy ban nhân dân Tỉnh xem xét phương án quản lý vùng nuôi cá bè gắn với phòng, chống sạt lở bờ sông trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050.

- Tiếp tục rà soát thực hiện bổ sung, mở rộng, điều chỉnh quy hoạch các vùng nuôi cá bè trên cơ sở đề xuất của UBND huyện, thành phố về bổ sung vùng quy hoạch nuôi cá lồng bè.

- Xác định lại vị trí, độ sâu, các giải pháp kỹ thuật trong nuôi thủy sản lồng bè và lấy ý kiến Cục Đường thủy nội địa Việt Nam về các vùng quy hoạch nuôi cá lồng, bè theo quy định.

- Thực hiện triển khai thử nghiệm việc neo đậu lồng bè trong những khu vực bị sạt lở (đã có các giải pháp công trình) sau khi có kết quả nghiên cứu của Đề tài “Nghiên cứu giải pháp bố trí nhà bè nuôi thủy sản để chỉnh trị và hạn chế sạt lở bờ sông trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp”.

5. Sở Công thương

- Tổ chức tuyên truyền, vận động người kinh doanh xăng dầu hiện đang neo đậu ngoài vùng quy hoạch, thực hiện di dời đến vùng quy hoạch.

- Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra xử lý các trường hợp các hộ kinh doanh xăng dầu trên bè không có Giấy chứng nhận cửa hàng đủ điều kiện bán lẻ xăng dầu.

6. Sở Kế hoạch và Đầu tư

- Phối hợp và nghiên cứu các giải pháp để thu hút đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng và phát triển nhà ở theo dự án.

- Căn cứ báo cáo tổng hợp của Sở Xây dựng, tham mưu UBND Tỉnh xem xét, bổ sung các chỉ tiêu phát triển nhà ở vào Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh; làm cơ sở chỉ đạo, điều hành và phân bổ vốn đầu tư bằng nguồn ngân sách Nhà nước theo kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 được cấp thẩm quyền phê duyệt.

7. Sở Tài chính

- Thẩm định dự toán kinh phí, tham mưu UBND Tỉnh bố trí ngân sách Nhà nước để thực hiện Chương trình phù hợp khả năng ngân sách và theo đúng quy định hiện hành.

8. Sở Lao động, Thương binh và Xã hội

- Chủ trì, phối hợp với các Sở, ban, ngành Tỉnh có liên quan; UBND huyện, thành phố; Ủy ban Mặt trận tổ quốc Việt Nam tỉnh Đồng Tháp rà soát nhu cầu nhà ở của các hộ chính sách, hộ người có công, hộ nghèo cần hỗ trợ nhà ở; thẩm định đối tượng; tổng hợp, gửi Sở Xây dựng đưa vào kế hoạch phát triển nhà ở hằng năm và 05 năm theo quy định.

- Thực hiện các chính sách giải quyết việc làm cho các hộ dân khi thực hiện di dời.

9. Đề nghị Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh Đồng Tháp

Thực hiện kế hoạch vốn để cho các hộ gia đình, cá nhân trong nước có nhu cầu mua, thuê mua nhà ở xã hội vay với lãi suất ưu đãi theo quy định.

10. Đề nghị Ủy ban Mặt trận tổ quốc Việt Nam tỉnh và các Tổ chức Chính trị - Xã hội cấp tỉnh

- Phát huy vai trò của Ủy ban Mặt trận tổ quốc Việt Nam và các Tổ chức chính trị - xã hội các cấp tổ chức tuyên truyền, vận động, tập hợp, quy tụ đoàn viên, hội viên và nhân dân tích cực tham gia thực hiện chương trình, phấn đấu hoàn thành các mục tiêu theo từng giai đoạn phát triển của Tỉnh. Đồng thời phối hợp tham gia các hoạt động kiểm tra giám sát việc triển khai thực hiện..

- Tăng cường kêu gọi, vận động các tổ chức, cá nhân trong và ngoài địa bàn tỉnh tham gia hỗ trợ về nhà ở cho các đối tượng hộ nghèo, hộ cận nghèo.

- Phối hợp với các đơn vị định kỳ rà soát cập nhật, bổ sung danh sách các hộ gia đình xây dựng lấn, chiếm sông, kênh, rạch có khó khăn về nhà ở thuộc diện hộ nghèo, cận nghèo.

11. Trách nhiệm của UBND huyện, thành phố

- Tổ chức tuyên truyền và triển khai thực hiện có hiệu quả các nội dung của Chương trình; xây dựng lộ trình xử lý các trường hợp lấn, chiếm theo tiến độ Chương trình đã đề ra.

- Nghiên cứu tổ chức lập quy hoạch chi tiết hoặc quy chế quản lý cho các khu vực ven sông, rạch, nhằm khai thác hiệu quả quỹ đất ven sông, rạch vì lợi ích công cộng, đảm bảo cảnh quan, môi trường.

- Tổ chức khảo sát luồng, cắm mốc chỉ giới phạm vi đất các tuyến đường thủy nội địa; công trình thủy lợi, đề điều theo phân cấp quản lý.

- Trên cơ sở Chương trình này và Chương trình phát triển nhà ở của Tỉnh đã được phê duyệt, phối hợp với Sở Xây dựng và các Sở, ban, ngành Tỉnh thực hiện lập, điều chỉnh quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất, quy hoạch phát triển đô thị, nông thôn để đáp ứng nhu cầu phát triển nhà ở trên địa bàn, đặc biệt là nhà ở xã hội, nhà ở cho các đối tượng có nhu cầu thấp, người nghèo và các đối tượng chính sách xã hội có xây dựng nhà ở lấn, chiếm sông, kênh, rạch.

- Phát triển quỹ đất ở, đặc biệt là quỹ đất 20% phát triển nhà ở xã hội trong các dự án nhà ở thương mại, dự án khu đô thị; quản lý việc thực hiện các dự án phát triển nhà ở trên địa bàn.

- Chủ động tranh thủ mọi nguồn lực, đẩy mạnh kêu gọi đầu tư bằng các nguồn xã hội hóa để thực hiện các dự án chỉnh trang tại các khu vực ven sông, kênh, rạch trên địa bàn.

- Tăng cường quản lý nhà nước và xử lý nghiêm các sai phạm về trật tự xây dựng, quy hoạch xây dựng, quy hoạch sử dụng đất; ngăn chặn việc phát triển nhà ở ven sông, rạch không đúng quy định. Chủ tịch UBND cấp huyện chịu trách nhiệm nêu đề phát sinh các trường hợp vi phạm mới thuộc địa bàn quản lý; xem xét xử lý trách nhiệm tổ chức, cá nhân thuộc quyền quản lý nếu đề phát sinh các trường hợp vi phạm trật tự xây dựng ven sông, kênh, rạch trên địa bàn.

- Tổ chức tuyên truyền, vận động người nuôi lồng bè hiện đang neo đậu ngoài vùng quy hoạch, thực hiện di dời đến vùng quy hoạch. Đồng thời, xây dựng kế hoạch di dời lồng bè ngoài vùng quy hoạch đến khu vực được quy hoạch của các địa phương theo Quyết định số 1651/QĐ-UBND-HC. Đối với trường hợp các lồng bè trong vùng quy hoạch nhưng không đảm bảo mật độ, khoảng cách, bè cũ, yếu không thể di dời được đến các khu vực được quy hoạch khác thì yêu cầu các hộ nuôi thực hiện giãn cách neo đậu, đảm bảo mật độ, khoảng cách lồng bè nuôi theo quy định, mỗi bên bờ sông chỉ neo đậu từ 01 - 02 lớp lồng bè trong một dãy đề vừa đảm bảo dòng chảy được thông thoáng, vừa đảm bảo an toàn giao thông đường thủy.

- Chỉ đạo ngành chuyên môn phối hợp chặt chẽ với Chi cục Chăn nuôi, Thú y và Thủy sản hướng dẫn người nuôi thực hiện đăng ký nuôi lồng bè theo quy định; đối với các khu vực bồi lắng, dòng chảy yếu cần hướng dẫn người nuôi lồng bè có các giải pháp ứng phó phù hợp, di dời lồng bè đến vùng quy hoạch có điều kiện tự nhiên thuận lợi.

- Bố trí nguồn kinh phí lắp đặt báo hiệu đường thủy nội địa cho khu vực vùng nuôi cá lồng bè nhằm đảm bảo an toàn giao thông đường thủy khu vực, thông báo cho người điều khiển phương tiện trên sông nhận biết vùng nước dành riêng cho vùng nuôi thủy sản.

- Chủ động rà soát hiện trạng các khu vực nuôi cá lồng bè trên địa bàn quản lý và căn cứ tình hình thực tế của địa phương, phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đề xuất rà soát quản lý, sắp xếp, bố trí lại các vùng nuôi cá lồng bè đến năm 2025, định hướng đến năm 2030 phù hợp quy hoạch chung của tỉnh.

- Chịu trách nhiệm quản lý các bè kinh doanh xăng dầu trên địa bàn, kiên quyết xử lý không để phát sinh trường hợp kinh doanh xăng dầu không có giấy phép hoạt động, vi phạm các quy định về phòng chống cháy nổ.

- Chỉ đạo phòng, ban chuyên môn phối hợp chặt chẽ với Sở Công thương hướng dẫn tổ chức, cá nhân kinh doanh các bè xăng dầu thực hiện theo quy định; tổ chức xử lý các trường hợp vi phạm về kinh doanh xăng dầu theo quy định.

12. Trách nhiệm của UBND xã, phường, thị trấn

- Tăng cường công tác tuyên truyền, phổ biến nội dung trọng tâm của Chương trình và các quy định pháp luật về xây dựng công trình, nhà ở, bảo vệ

các công trình thủy lợi với nhiều hình thức, phương pháp linh hoạt, dễ tiếp cận, để người dân, doanh nghiệp hiểu rõ các quy định pháp luật có liên quan đến công tác quản lý trật tự xây dựng, thực hiện đúng quy định; đồng thời vận động các hộ dân thực hiện ký cam kết không vi phạm.

- Tổ chức thực hiện nghiêm các quy định về phân cấp, phối hợp quản lý trật tự xây dựng đã được UBND Tỉnh ban hành; tăng cường công tác kiểm tra nhằm đảm bảo các công trình, nhà ở trên địa bàn khi tổ chức thi công xây dựng đều được quản lý chặt chẽ; xử lý nghiêm các trường hợp vi phạm.

- Xử lý hoặc kiến nghị Chủ tịch UBND cấp huyện xử lý đối với những công chức, người được giao nhiệm vụ nhưng buông lỏng quản lý, không hoàn thành trách nhiệm quản lý trật tự xây dựng.

V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Thủ trưởng các Sở, ban, ngành Tỉnh trong phạm vi nhiệm vụ được phân công tại Kế hoạch này, chủ động phối hợp các cơ quan, đơn vị có liên quan, UBND huyện, thành phố triển khai thực hiện có hiệu quả Kế hoạch này.

2. Chủ tịch UBND cấp huyện, cấp xã trong phạm vi nhiệm vụ được phân công tại Kế hoạch này, tiến hành xây dựng Kế hoạch của UBND cấp huyện, cấp xã và tổ chức thực hiện có hiệu quả công tác quản lý, ngăn chặn không để phát sinh các trường hợp vi phạm mới và từng bước xử lý các trường hợp lấn, chiếm sông, kênh, rạch trên địa bàn trên địa bàn quản lý của mình.

3. Định kỳ hằng năm (trước ngày 30/11) hoặc đột xuất (khi có yêu cầu), các cơ quan, đơn vị có liên quan báo cáo kết quả thực hiện Chương trình theo Kế hoạch, gửi về Sở Xây dựng để tổng hợp, báo cáo UBND Tỉnh.

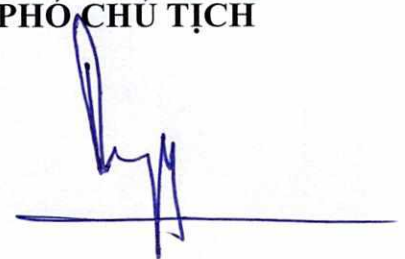
4. Sở Xây dựng chịu trách nhiệm hướng dẫn, đôn đốc và tổng hợp đề xuất giải quyết những khó khăn vướng mắc trong quá trình thực hiện; tổng hợp báo cáo kết quả thực hiện Chương trình đến UBND Tỉnh định kỳ (trước ngày 15/12) và đột xuất theo yêu cầu.

Trên đây là Kế hoạch thực hiện Chương trình giải quyết tình trạng xây dựng công trình, nhà ở lấn, chiếm sông, kênh, rạch trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp đến năm 2030. Trong quá trình thực hiện Kế hoạch, nếu có vướng mắc, phát sinh chưa phù hợp hoặc cần bổ sung, sửa đổi thì các cơ quan, đơn vị gửi ý kiến về Sở Xây dựng tổng hợp, đề xuất UBND Tỉnh xem xét, quyết định./.

Nơi nhận:

- TT/TU (báo cáo)
- TT/HĐND Tỉnh (báo cáo);
- Như Mục V;
- CT và các PCT/UBND Tỉnh;
- Lãnh đạo VPUBND Tỉnh;
- Lưu: VT+NC/ĐTQH.nbht.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Trần Trí Quang

Phụ lục 01
CÁC NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM VÀ PHÂN CÔNG TỔ CHỨC THỰC HIỆN
*(Kèm theo Kế hoạch số ~~316~~ /KH-UBND ngày ~~24~~ tháng **9** năm 2024 của Ủy ban nhân dân Tỉnh)*

Stt	Nhiệm vụ	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Thời gian
I	UBND cấp huyện, cấp xã			
1	Lập kế hoạch triển khai thực hiện Chương trình của địa phương trong đó lồng ghép và kết hợp đồng bộ nhiều giải pháp linh động, phù hợp với địa phương của mình, tiến độ thực hiện và các mục tiêu, phải pháp trọng tâm Chương trình của Tỉnh; tổng hợp báo cáo kết quả thực hiện Chương trình định kỳ và đột xuất theo yêu cầu.	UBND cấp huyện, cấp xã	Các Phòng, ban chuyên môn	Thực hiện trước ngày 30/9/2024
2	Thành lập Ban chỉ đạo các cấp huyện, cấp xã theo dõi, giám sát, kiểm tra, đôn đốc việc thực hiện các nội dung của chương trình.	UBND cấp huyện, cấp xã	Các Phòng, ban chuyên môn	Thực hiện trước ngày 30/9/2024
3	Xây dựng Kế hoạch thông tin, truyền thông để tạo sự đồng thuận trong nhân dân trên địa bàn thực hiện các nội dung trọng tâm của Chương trình.	UBND cấp huyện	các Sở, ban, ngành có liên quan, các cơ quan báo chí	2024 - 2025
4	Xây dựng các chương trình, phóng sự, trao đổi, đối thoại, chuyên đề chuyên sâu về quản lý trật tự xây dựng trên hệ thống phát thanh, truyền hình; sản xuất các nội dung tin bài, ảnh, video, clip về công tác quản lý trật tự xây dựng phát trên các kênh, nền tảng khác nhau và trên các phương tiện thông tin đại chúng. Đẩy mạnh truyền thông, tuyên truyền, nâng cao nhận thức của các cấp, các ngành, các cơ quan, tổ chức và người dân trên địa bàn tỉnh về vai trò, ý nghĩa của Kế hoạch	UBND cấp huyện	các Sở, ban, ngành có liên quan, UBND cấp xã, các cơ quan báo chí.	2024 - 2025

Stt	Nhiệm vụ	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Thời gian
5	Học tập kinh nghiệm và chia sẻ kinh nghiệm trong công tác quản lý trật tự xây dựng tại các khu vực ven sông, kênh, rạch; các mô hình và giải pháp thực hiện hiệu quả để nhân rộng.	UBND cấp huyện, cấp xã	các Sở, ban, ngành có liên quan	2024 - 2025
6	Nghiên cứu tổ chức lập quy hoạch chi tiết hoặc quy chế quản lý cho các khu vực ven sông, rạch, nhằm khai thác hiệu quả quỹ đất ven sông, rạch vì lợi ích công cộng, đảm bảo cảnh quan, môi trường.	UBND cấp huyện	các Sở, ban, ngành có liên quan các Phòng, ban chuyên môn	2024 - 2025
7	Lập kế hoạch lập lại trật tự xây dựng trên địa bàn bảo đảm thực chất, hiệu quả.	UBND cấp huyện, cấp xã	Các Phòng, ban chuyên môn	Thực hiện trước ngày 30/9/2024
8	Các khóm, ấp tổ chức thực hiện giám sát để chủ động kịp thời phát hiện các trường hợp xây dựng công trình vi phạm trên địa bàn.	UBND cấp xã	UBND cấp huyện	2024 - 2025
9	Tổ chức khảo sát luồng, cắm mốc chỉ giới phạm vi đất các tuyến đường thủy nội địa; công trình thủy lợi, đề điều theo phân cấp quản lý	UBND cấp huyện	các Sở, ban, ngành có liên quan	2024 - 2025
10	Lắp đặt mốc chỉ giới hành lang bảo vệ luồng đường thủy nội địa, hành lang bảo vệ công trình thủy lợi, đất công tại các vị trí bị lấn chiếm	UBND cấp huyện	các Sở, ban, ngành có liên quan	2024 - 2025
11	Chủ động tranh thủ mọi nguồn lực, đẩy mạnh kêu gọi đầu tư bằng các nguồn xã hội hóa để thực hiện các dự án chỉnh trang tại các khu vực ven sông, kênh, rạch trên địa bàn.	UBND cấp huyện	các Sở, ban, ngành có liên quan	2024 - 2025
12	Tăng cường quản lý nhà nước và xử lý nghiêm các sai phạm về trật tự xây dựng, quy hoạch xây dựng, quy hoạch sử dụng đất; ngăn chặn việc phát triển nhà ở ven sông, rạch không đúng quy định.	UBND cấp huyện	Các Phòng, ban chuyên môn	2024 - 2025

Stt	Nhiệm vụ	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Thời gian
13	Tổ chức tuyên truyền, vận động người nuôi lồng bè hiện đang neo đậu ngoài vùng quy hoạch, thực hiện di dời đến vùng quy hoạch. Đồng thời, xây dựng kế hoạch di dời lồng bè ngoài vùng quy hoạch đến khu vực được quy hoạch của các địa phương theo Quyết định số 1651/QĐ-UBND-HC.	UBND cấp huyện	các Sở, ban, ngành có liên quan Các Phòng, ban chuyên môn	2024 - 2025
14	Chỉ đạo ngành chuyên môn phối hợp chặt chẽ với Chi cục Chăn nuôi, Thú y và Thủy sản hướng dẫn người nuôi thực hiện đăng ký nuôi lồng bè theo quy định; đối với các khu vực bồi lắng, dòng chảy yếu cần hướng dẫn người nuôi lồng bè có các giải pháp ứng phó phù hợp, di dời lồng bè đến vùng quy hoạch có điều kiện tự nhiên thuận lợi.	UBND cấp huyện	các Sở, ban, ngành có liên quan Các Phòng, ban chuyên môn	2024 - 2025
15	Bố trí nguồn kinh phí lắp đặt báo hiệu đường thủy nội địa cho khu vực vùng nuôi cá lồng bè nhằm đảm bảo an toàn giao thông đường thủy khu vực, thông báo cho người điều khiển phương tiện trên sông nhận biết vùng nước giành riêng cho vùng nuôi thủy sản.	UBND cấp huyện	các Sở, ban, ngành có liên quan Các Phòng, ban chuyên môn	2024 - 2025
16	Chủ động rà soát hiện trạng các khu vực nuôi cá lồng bè trên địa bàn quản lý và căn cứ hình thực tế của địa phương, phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đề xuất rà soát quản lý, sắp xếp, bố trí lại các vùng nuôi cá lồng bè đến năm 2025, định hướng đến năm 2030 phù hợp quy hoạch chung của tỉnh.	UBND cấp huyện	các Sở, ban, ngành có liên quan Các Phòng, ban chuyên môn	2024 - 2025
17	Chịu trách nhiệm quản lý các bè kinh doanh xăng dầu trên địa bàn, kiên quyết xử lý không để phát sinh trường hợp kinh	UBND cấp huyện	các Sở, ban, ngành có liên quan Các Phòng, ban chuyên môn	2024 - 2025

Stt	Nhiệm vụ	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Thời gian
	doanh xăng dầu không có giấy phép hoạt động, vi phạm các quy định về phòng chống cháy nổ.			
18	Chỉ đạo phòng, ban chuyên môn phối hợp chặt chẽ với Sở Công thương hướng dẫn tổ chức, cá nhân kinh doanh các bể xăng dầu thực hiện theo quy định; tổ chức xử lý các trường hợp vi phạm về kinh doanh xăng dầu theo quy định.	UBND cấp huyện	các Sở, ban, ngành có liên quan Các Phòng, ban chuyên môn	2024 - 2025
19	Tiến hành rà soát xác định vị trí, hướng tuyến, xây dựng kế hoạch triển khai thực hiện các công trình dự kiến đầu tư thực hiện chỉnh trang cảnh quan các khu vực ven sông, kênh, rạch; ưu tiên thực hiện tại các khu vực nội thành, nội thị, đề xuất cấp có thẩm quyền xem xét, phân bổ nguồn vốn thực hiện (các dự án phải đáp ứng điều kiện bố trí vốn hàng năm theo quy định), đồng thời huy động các nguồn lực xã hội hóa để đầu tư.	UBND cấp huyện	các Sở, ban, ngành có liên quan Các Phòng, ban chuyên môn	Thời gian thực hiện trước ngày 31/10/2024
20	Triển khai thực hiện một số đồ án quy hoạch chi tiết xây dựng, thiết kế đô thị cho các khu vực ven sông, kênh, rạch, nhằm khai thác hiệu quả quỹ đất ven sông, rạch.	UBND cấp huyện	các Sở, ban, ngành có liên quan các Phòng, ban chuyên môn	Thực hiện báo cáo UBND Tỉnh và đồng gửi Sở Xây dựng trước ngày 30/11 hằng năm
21	Phấn đấu giải quyết khoảng 5.000 trường hợp lấn, chiếm sông, kênh, rạch đã tồn tại trước đây. Ưu tiên thực hiện các đoạn sông xảy ra lấn, chiếm phức tạp, ảnh hưởng môi trường nghiêm trọng tại các đô thị.			

Stt	Nhiệm vụ	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Thời gian
21.1	Theo dõi, triển khai thí điểm chỉnh trang ít nhất 02 tuyến đường sông (do Trung ương và Tỉnh quản lý) đi qua 03 thành phố: Cao Lãnh, Sa Đéc và Hồng Ngự;	UBND các thành phố Cao Lãnh, Sa Đéc và Hồng Ngự	các Sở, ban, ngành có liên quan	2024 - 2025
21.2	Các địa phương còn lại triển khai thí điểm chỉnh trang 01 tuyến.	UBND các huyện còn lại	các Sở, ban, ngành có liên quan	2024 - 2025
22	Tổ chức rà soát, nắm lại số lượng các công trình, nhà ở lần chiếm phát sinh sau kết quả khảo sát tháng 03/2022.	UBND cấp huyện, UBND cấp xã	các Sở, ban, ngành có liên quan	Thực hiện trước ngày 30/9/2024
23	Tiến hành khảo sát lại vào cuối năm 2025	UBND cấp huyện, UBND cấp xã	các Sở, ban, ngành có liên quan	Thực hiện trước ngày 30/11/2025
24	Tổ chức sơ kết đánh giá công tác thực hiện Chương trình để rút kinh nghiệm và tiến hành triển khai tiếp tục nội dung của Chương trình tại các khu vực còn lại trên địa bàn tỉnh.	UBND cấp huyện	các Sở, ban, ngành có liên quan	Thực hiện trước ngày 30/11/2025
25	Tổ chức thực hiện nghiêm các quy định về phân cấp, phối hợp quản lý trật tự xây dựng đã được UBND Tỉnh ban hành; tăng cường công tác kiểm tra nhằm đảm bảo các công trình, nhà ở trên địa bàn khi tổ chức thi công xây dựng đều được quản lý chặt chẽ; xử lý nghiêm các trường hợp vi phạm.	UBND cấp xã	các Phòng, ban chuyên môn	2024 - 2025
26	Xử lý hoặc kiến nghị Chủ tịch UBND cấp huyện xử lý đối với những công chức, người được giao nhiệm vụ nhưng buông lỏng quản lý, không hoàn thành trách nhiệm quản lý trật tự xây dựng.	UBND cấp xã	các Phòng, ban chuyên môn	2024 - 2025
27	Thực hiện các nhiệm vụ khác của Chương trình	UBND cấp huyện	các Sở, ban, ngành có liên quan	2024 - 2025

Stt	Nhiệm vụ	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Thời gian
II	Sở Xây dựng			
1	Tổ chức hội nghị triển khai Chương trình và công tác lập lại trật tự xây dựng trên địa bàn Tỉnh.	Sở Xây dựng	các Sở, ban, ngành có liên quan	Trước ngày 30/10/2024
2	Thành lập Ban chỉ đạo cấp Tỉnh theo dõi, giám sát, kiểm tra, đôn đốc việc thực hiện các nội dung của chương trình.	Sở Xây dựng	các Sở, ban, ngành có liên quan	Trước ngày 30/9/2024
3	Chủ trì, phối hợp các ngành liên quan, UBND cấp huyện tham mưu UBND Tỉnh lập kế hoạch triển khai thực hiện Chương trình theo lộ trình.	Sở Xây dựng	các Sở, ban, ngành có liên quan, UBND cấp huyện	Trước ngày 30/9/2024
4	Hướng dẫn, đôn đốc và đề xuất giải quyết những khó khăn vướng mắc trong quá trình thực hiện; tổng hợp báo cáo kết quả thực hiện Chương trình đến UBND Tỉnh định kỳ và đột xuất theo yêu cầu.	Sở Xây dựng	các Sở, ban, ngành có liên quan, UBND cấp huyện	2024 - 2025
5	Hỗ trợ về chuyên môn cho các địa phương khi có yêu cầu trong việc xây dựng các đồ án quy hoạch chi tiết xây dựng, thiết kế đô thị cho các khu vực ven sông, kênh, rạch, nhằm khai thác hiệu quả quỹ đất ven sông, kênh, rạch.	Sở Xây dựng	UBND cấp huyện	2024 - 2025
II	Sở Tài nguyên và Môi trường			
1	Chủ trì, phối hợp với Sở Xây dựng và UBND cấp huyện rà soát Chương trình phát triển nhà ở được phê duyệt để xác định quỹ đất để phát triển nhà ở trong Quy hoạch cấp tỉnh, Quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất cấp huyện.	Sở Tài nguyên và Môi trường	các Sở, ban, ngành có liên quan, UBND cấp huyện	2024 - 2025
2	Phối hợp với Sở Xây dựng rà soát lại quỹ đất đã giao cho các chủ đầu tư để thực hiện dự án nhà ở xã hội, nhà ở cho người có thu nhập thấp; tham mưu UBND Tỉnh thu hồi quỹ đất đã giao đối với những dự án chậm triển khai hoặc không thực	Sở Tài nguyên và Môi trường	các Sở, ban, ngành có liên quan, UBND cấp huyện	2024 - 2025

Stt	Nhiệm vụ	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Thời gian
	hiện theo quy định của pháp luật, để lựa chọn nhà đầu tư có đủ năng lực triển khai thực hiện dự án.			
3	Chủ trì, phối hợp với các Sở, ngành, UBND cấp huyện thực hiện dự án Điều tra rà soát, thống kê, quỹ đất do Nhà nước quản lý, đất sông, ngòi, kênh rạch...đo đạc trích đo thửa đất, khu đất, kê khai đăng ký đất để quản lý theo quy định và xây dựng cơ sở dữ liệu để khai thác sử dụng.	Sở Tài nguyên và Môi trường	các Sở, ban, ngành có liên quan, UBND cấp huyện	2024 - 2025
4	Thường xuyên hướng dẫn, tập huấn đối với Ủy ban nhân dân cấp xã trong việc xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai đối với các hành vi lấn, chiếm đất sông, ngòi, kênh, rạch theo quy định.	Sở Tài nguyên và Môi trường	các Sở, ban, ngành có liên quan, UBND cấp huyện, cấp xã	2024 - 2025
5	Căn cứ nội dung được phân công xây dựng kế hoạch cụ thể cho đơn vị mình để thực hiện bảo đảm phù hợp về mục tiêu, giải pháp và lộ trình của Chương trình	Sở Tài nguyên và Môi trường	các Sở, ban, ngành có liên quan, UBND cấp huyện	Trước ngày 30/10/2024
IV	Sở Giao thông vận tải			
1	Kiểm tra, rà soát các cơ sở dữ liệu liên quan đến công tác quản lý kết cấu hạ tầng giao thông, các tuyến đường thủy nội địa trên địa bàn tỉnh và cung cấp thông tin kịp thời khi các ngành có liên quan yêu cầu	Sở Giao thông vận tải	các Sở, ban, ngành có liên quan, UBND cấp huyện	2024 - 2025
2	Hướng dẫn các địa phương thực hiện tốt các quy định pháp luật về quản lý các tuyến đường thủy nội địa và chỉ đạo các đơn vị trực thuộc phối hợp với địa phương xử lý kịp thời các trường hợp vi phạm.	Sở Giao thông vận tải	các Sở, ban, ngành có liên quan, UBND cấp huyện	2024 - 2025
3	Tổ chức thực hiện cấm các mốc chỉ giới các tuyến đường thủy nội địa theo phân cấp quản lý	Sở Giao thông vận tải	UBND cấp huyện	2024 - 2025

Stt	Nhiệm vụ	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Thời gian
4	Quản lý chặt việc xây dựng các bến thủy nội địa, cảng thủy nội địa theo mục đích sử dụng đất và quy mô giấy phép bến thủy, cảng thủy nội địa.	Sở Giao thông vận tải	các Sở, ban, ngành có liên quan, UBND cấp huyện	2024 - 2025
5	Căn cứ nội dung được phân công xây dựng kế hoạch cụ thể cho đơn vị mình để thực hiện bảo đảm phù hợp về mục tiêu, giải pháp và lộ trình của Chương trình	Sở Giao thông vận tải	các Sở, ban, ngành có liên quan, UBND cấp huyện	Trước ngày 30/10/2024
V	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn			
1	Phối hợp với các đơn vị quản lý nhà nước lập kế hoạch và tổ chức thực hiện cấm mốc chỉ giới phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi và tổ chức thực hiện sau khi được cấp có thẩm quyền phê duyệt.	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	các Sở, ban, ngành có liên quan, UBND cấp huyện	2024 - 2025
2	Đẩy nhanh tiến độ triển khai các dự án xây dựng các công trình kè do Sở làm chủ đầu tư trên địa bàn tỉnh.	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	các Sở, ban, ngành có liên quan, UBND cấp huyện	2024 - 2025
3	Lập kế hoạch nạo vét khơi thông dòng chảy, độ sâu một số khu vực trong vùng quy hoạch nuôi cá lồng bè đã có hiện tượng bồi lắng cục bộ.	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	các Sở, ban, ngành có liên quan, UBND cấp huyện	2024 - 2025
4	Tổ chức tập huấn hằng năm cho cấp huyện các quy định quản lý về lĩnh vực thủy lợi, đề điều và các văn bản về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi, đề điều; nhằm xử lý dứt điểm các hành vi vi phạm lấn, chiếm sông, kênh, rạch, đất bãi bồi ven sông trên địa bàn tỉnh trong thời gian tới.	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	các Sở, ban, ngành có liên quan, UBND cấp huyện	2024 - 2025

Stt	Nhiệm vụ	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Thời gian
5	Nghiên cứu giải pháp kỹ thuật nhằm đáp ứng yêu cầu tốc độ dòng chảy ở một số khu vực, bổ sung thêm nơi neo đậu bè an toàn và hạn chế tình trạng sạt lở bờ sông.	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	các Sở, ban, ngành có liên quan, UBND cấp huyện	2024 - 2025
6	Hướng dẫn người nuôi lồng bè thực hiện đăng ký nuôi lồng bè theo Nghị định 26/2019/NĐ-CP ngày 08/3/2019. Chủ động phối hợp đơn vị liên quan lập, trình Ủy ban nhân dân Tỉnh xem xét phương án quản lý vùng nuôi cá bè gắn với phòng, chống sạt lở bờ sông trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050.	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	các Sở, ban, ngành có liên quan, UBND cấp huyện	2024 - 2025
7	Tiếp tục rà soát thực hiện bổ sung, mở rộng, điều chỉnh quy hoạch các vùng nuôi cá bè trên cơ sở đề xuất của UBND huyện, thành phố về bổ sung vùng quy hoạch nuôi cá lồng bè.	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	các Sở, ban, ngành có liên quan, UBND cấp huyện	2024 - 2025
8	Xác định lại vị trí, độ sâu, các giải pháp kỹ thuật trong nuôi thủy sản lồng bè và lấy ý kiến Cục Đường thủy nội địa Việt Nam về các vùng quy hoạch nuôi cá lồng, bè theo quy định.	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	các Sở, ban, ngành có liên quan, UBND cấp huyện	2024 - 2025
9	Thực hiện triển khai thử nghiệm việc neo đậu lồng bè trong những khu vực bị sạt lở (đã có các giải pháp công trình) sau khi có kết quả nghiên cứu của Đề tài “Nghiên cứu giải pháp bố trí nhà bè nuôi thủy sản để chỉnh trị và hạn chế sạt lở bờ sông trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp”.	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	các Sở, ban, ngành có liên quan, UBND cấp huyện	2024 - 2025
10	Căn cứ nội dung được phân công xây dựng kế hoạch cụ thể cho đơn vị mình để thực hiện bảo đảm phù hợp về mục tiêu, giải pháp và lộ trình của Chương trình	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	các Sở, ban, ngành có liên quan, UBND cấp huyện	Trước ngày 30/10/2024
VI	Sở Công thương			

Stt	Nhiệm vụ	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Thời gian
1	Tuyên truyền Tổ chức tuyên truyền, vận động người kinh doanh xăng dầu hiện đang neo đậu ngoài vùng quy hoạch, thực hiện di dời đến vùng quy hoạch	Sở Công thương	các Sở, ban, ngành có liên quan, UBND cấp huyện	2024 - 2025
2	Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra xử lý các trường hợp các hộ kinh doanh xăng dầu trên bè không có Giấy chứng nhận cửa hàng đủ điều kiện bán lẻ xăng dầu.	Sở Công thương	các Sở, ban, ngành có liên quan, UBND cấp huyện	2024 - 2025
VII	Sở Kế hoạch và Đầu tư			
1	Phối hợp và nghiên cứu các giải pháp để thu hút đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng và phát triển nhà ở theo dự án.	Sở Kế hoạch và Đầu tư	các Sở, ban, ngành có liên quan, UBND cấp huyện	2024 - 2025
2	Căn cứ báo cáo tổng hợp ngành của Sở Xây dựng tham mưu UBND Tỉnh xem xét bổ sung các chỉ tiêu phát triển nhà ở vào Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh, làm cơ sở chỉ đạo, điều hành và phân bổ vốn đầu tư bằng nguồn ngân sách Nhà nước theo kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 được cấp thẩm quyền phê duyệt.	Sở Kế hoạch và Đầu tư	các Sở, ban, ngành có liên quan, UBND cấp huyện	2024 - 2025
VIII	Sở Tài chính			
1	Thẩm định dự toán kinh phí, tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh bố trí ngân sách Nhà nước để thực hiện Chương trình phù hợp khả năng ngân sách và theo đúng quy định hiện hành.	Sở Tài chính	các Sở, ban, ngành có liên quan, UBND cấp huyện	2024 - 2025
IX	Sở Lao động, Thương binh và Xã hội			
1	Chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành có liên quan; UBND các huyện, thành phố; Ủy ban Mặt trận tổ quốc Việt Nam tỉnh Đồng Tháp rà soát nhu cầu nhà ở của các hộ chính sách, hộ	Sở Lao động, Thương binh và Xã hội	các Sở, ban, ngành có liên quan, UBND cấp huyện	2024 - 2025

Stt	Nhiệm vụ	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Thời gian
	người có công, hộ nghèo cần hỗ trợ nhà ở; thẩm định đối tượng. Tổng hợp, gửi Sở Xây dựng đưa vào kế hoạch phát triển nhà ở hằng năm và 5 năm theo quy định.			
2	Thực hiện các chính sách giải quyết việc làm cho các hộ dân khi thực hiện di dời.	Sở Lao động, Thương binh và Xã hội	các Sở, ban, ngành có liên quan, UBND cấp huyện	2024 - 2025
X	Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh Đồng Tháp			
1	Thực hiện kế hoạch vốn để cho các hộ gia đình, cá nhân trong nước có nhu cầu mua, thuê mua nhà ở xã hội vay với lãi suất ưu đãi theo quy định.	Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh Đồng Tháp	các Sở, ban, ngành có liên quan, UBND cấp huyện	2024 - 2025
XI	Ủy ban Mặt trận tổ quốc Việt Nam và các Tổ chức Chính trị - Xã hội các cấp			
1	Phát huy vai trò của Ủy ban Mặt trận tổ quốc Việt Nam và các Tổ chức chính trị - xã hội các cấp tổ chức tuyên truyền, vận động, tập hợp, quy tụ đoàn viên, hội viên và nhân dân tích cực tham gia thực hiện chương trình, phấn đấu hoàn thành các mục tiêu theo từng giai đoạn phát triển của Tỉnh. Đồng thời phối hợp tham gia các hoạt động kiểm tra giám sát việc triển khai thực hiện.	Ủy ban Mặt trận tổ quốc Việt Nam và các Tổ chức Chính trị - Xã hội các cấp	các Sở, ban, ngành có liên quan, UBND cấp huyện	2024 - 2025
2	Tăng cường kêu gọi, vận động các tổ chức, cá nhân trong và ngoài địa bàn tỉnh tham gia hỗ trợ về nhà ở cho các đối tượng hộ nghèo, hộ cận nghèo.	Ủy ban Mặt trận tổ quốc Việt Nam và các Tổ chức Chính trị - Xã hội các cấp	các Sở, ban, ngành có liên quan, UBND cấp huyện	2024 - 2025

Stt	Nhiệm vụ	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Thời gian
3	Phối hợp với các đơn vị định kỳ rà soát cập nhật, bổ sung danh sách các hộ gia đình xây dựng lấn, chiếm sông, kênh, rạch có khó khăn về nhà ở thuộc diện hộ nghèo, cận nghèo.	Ủy ban Mặt trận tổ quốc Việt Nam và các Tổ chức Chính trị - Xã hội các cấp	các Sở, ban, ngành có liên quan, UBND cấp huyện	2024 - 2025
4	Tổ chức tuyên truyền và triển khai thực hiện có hiệu quả các nội dung của Chương trình; xây dựng lộ trình xử lý các trường hợp lấn, chiếm theo tiến độ Chương trình đã đề ra.	Ủy ban Mặt trận tổ quốc Việt Nam và các Tổ chức Chính trị - Xã hội các cấp	các Sở, ban, ngành có liên quan, UBND cấp huyện	2024 - 2025

Phụ lục 02

Bảng dự toán chi phí thực hiện công tác tập huấn, tuyên truyền pháp luật; Hỗ trợ khóm, ấp thực hiện giám sát; Ứng dụng công nghệ thông tin trong thực hiện quản lý ngăn chặn phát sinh các công trình vi phạm mới
(Kèm theo Kế hoạch số **316**/KH-UBND ngày **24** tháng **9** năm 2024 của UBND tỉnh Đồng Tháp)

TT	Nội dung/ nhóm giải pháp đề xuất thực hiện	Diễn giải dự kiến kinh phí thực hiện				Nguồn vốn	Ghi chú
		Dự kiến số lượng Đơn vị tổ chức thực hiện	Kinh phí tạm tính/năm/Đơn vị (triệu đồng)	Thời gian dự kiến thực hiện (năm)	Tổng chi phí thực hiện (triệu đồng)		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)=(3)*(4)*(5)	(7)	(8)
1	Công tác tập huấn; tuyên truyền, phổ biến pháp luật về xây dựng công trình, nhà ở, bảo vệ các công trình thủy lợi.				1.740	Ngân sách nhà nước theo phân cấp	
1.1	+ Cấp huyện (gồm 12 huyện, thành phố; mỗi đơn vị 120 triệu đồng/năm)	12	120	1	1.440	Ngân sách cấp huyện	Thực hiện đến năm 2025.
1.2	+ Cấp Tỉnh (gồm các Sở: Xây dựng, Giao thông, Tài nguyên và Môi trường, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; mỗi đơn vị 75 triệu đồng/năm)	4	75	1	300	Ngân sách tỉnh (Vốn ngân sách nhà nước chi thường xuyên)	Thực hiện đến năm 2025.
2	Chi phí hỗ trợ khóm, ấp tổ chức thực hiện giám sát để chủ động kịp thời phát hiện các trường hợp xây dựng công trình vi phạm trên địa bàn.	698	3	1	2.094	Ngân sách cấp huyện	12 huyện, thành phố (Hỗ trợ 3 triệu/1 khóm, ấp trên địa bàn tỉnh) Thực hiện đến năm 2025.

3	Công tác thực hiện khảo sát lại vào cuối năm 2025 Kinh phí đã khảo sát với 45.157 trường hợp năm 2021 x 20% (dự trừ số lượng phát sinh mới)	1.550 x 20%	310	Ngân sách cấp huyện	12 huyện, thành phố
4	Chi phí Ứng dụng công nghệ thông tin trong thực hiện quản lý ngăn chặn phát sinh các công trình vi phạm mới	(dự trừ)	1.455	Ngân sách tỉnh	Sở Xây dựng Thực hiện đến năm 2025
Tổng cộng:			5.599		
<i>Bằng chữ:</i>		<i>Năm tỷ, năm trăm chín mươi chín triệu đồng</i>			

Phụ lục 03

Bảng dự toán chi phí khảo sát cắm mốc các tuyến đường thủy nội địa, hành lang bảo vệ công trình thủy lợi, đất công tại các vị trí bị lấn chiếm do cấp huyện quản lý

(Kèm theo Kế hoạch số **316**/KH-UBND ngày **21** tháng **7** năm 2024 của UBND tỉnh Đồng Tháp)

TT	Sông, kênh rạch do cấp huyện quản lý chưa cắm mốc				Chi phí dự kiến			Ghi chú
	Địa phương	Số lượng (sông)	Tổng chiều dài (km)	SL mốc cần cắm dự kiến	Khảo sát địa hình công bố luồng	Cắm mốc hành lang bảo vệ (02 bờ)	Tổng chi phí (đồng)	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)=(4)x(*)	(7)=(5)x(**)	(8)=(6)+(7)	(9)
1	TP. Sa Đéc	8	28,900	385	333.823.900	717.490.667	1.051.314.567	Mật độ cắm mốc 150m/mốc
2	TP. Cao Lãnh	7	32,200	429	371.942.200	799.418.667	1.171.360.867	
3	TP. Hồng Ngự	12	62,900	839	726.557.900	1.561.597.333	2.288.155.233	
4	Hồng Ngự	10	58,350	233	674.000.850	434.590.800	1.108.591.650	
5	Tân Hồng	5	50,200	201	579.860.200	373.889.600	953.749.800	Mật độ cắm mốc 500m/mốc
6	Tam Nông	17	171,600	686	1.982.151.600	1.278.076.800	3.260.228.400	
7	Thanh Bình	10	85,700	343	989.920.700	638.293.600	1.628.214.300	
8	Tháp Mười	26	232,000	928	2.679.832.000	1.727.936.000	4.407.768.000	
9	Cao Lãnh	17	163,900	656	1.893.208.900	1.220.727.200	3.113.936.100	
10	Lấp Vò	31	161,900	648	1.870.106.900	1.205.831.200	3.075.938.100	
11	Lai Vung	25	169,700	679	1.960.204.700	1.263.925.600	3.224.130.300	
12	Châu Thành	18	103,900	0	0	0	0	
Tổng Cộng:		186	1.321,250	6.027	14.061.609.850	11.221.777.467	25.283.387.317	
Làm tròn							25.283.387.000	

1. Chi phí khảo sát trung bình 1km sông (kèm Biểu 1):

11.551.000 đ/km (*)

2. Chi phí cắm mốc:

1.862.000 đ/mốc ()**

Chi phí định vị vị trí chôn mốc (kèm Biểu 2):

1.102.000 đ/mốc

Chi phí đúc mốc, vận chuyển, chôn mốc (kèm Biểu 3):

760.000 đ/mốc

*** Ghi chú:**

Đơn giá khảo sát công bố luồng tính theo giá trị trung bình các tuyến sông, kênh, rạch có chiều rộng khảo sát từ 40m - 60m (gồm chiều rộng mỗi bờ 10m + chiều rộng sông từ 20m-40m).

Dự toán lập căn cứ theo Thông tư 10/2019/TT-BXD ngày 26/12/2019 ban hành định mức xây dựng Thông tư 09/2019/TT-BXD ngày 26/12/2019 hướng dẫn xác định và quản lý chi phí đầu tư xây dựng.

BẢNG TỔNG HỢP KINH PHÍ HẠNG MỤC**CÔNG TRÌNH: CẮM MỐC TUYẾN SÔNG RẠCH DO CẤP HUYỆN QUẢN LÝ****HẠNG MỤC: DỰ TOÁN CHI PHÍ KHẢO SÁT ĐỊA HÌNH (Tính theo KL chiều dài: 50km sông rộng 20m và 50km sông rộng 40m)**

STT	Khoản mục chi phí	Ký hiệu	Cách tính	Thành tiền
1	Vật liệu	VL	A1	12.432.240
	- Đơn giá vật liệu	A1	Theo bảng tổng hợp vật liệu	12.432.240
2	Nhân công	NC	hsnc	552.215.676
	- Đơn giá nhân công	B1	Theo bảng tổng hợp nhân công	552.215.676
	- Nhân hệ số điều chỉnh	hsnc	B1	552.215.676
3	Máy thi công	M	hsm	18.479.984
	- Đơn giá máy	C1	Theo bảng tổng hợp máy	18.479.984
	- Nhân hệ số điều chỉnh	hsm	C1	18.479.984
I	CHI PHÍ TRỰC TIẾP	T	VL + NC + M	583.127.901
II	CHI PHÍ GIÁN TIẾP			0
1	Chi phí chung	C	NC x 70%	386.550.973
2	Chi phí nhà tạm để ở và điều hành thi công	LT	T x 1,1%	6.414.407
3	Chi phí một số công việc không xác định được khối lượng từ thiết kế	TT	T x 2,5%	14.578.198
	TỔNG CHI PHÍ GIÁN TIẾP	GT	C + LT + TT	407.543.578
III	THU NHẬP CHỊU THUẾ TÍNH TRƯỚC	TL	(T + GT) x 6,0%	59.440.289
	Chi phí xây dựng trước thuế	G	T + GT + TL	1.050.111.767
IV	THUẾ GIÁ TRỊ GIA TĂNG	GTGT	G x 10%	105.011.177
	Chi phí xây dựng sau thuế	Gxd	G + GTGT	1.155.122.944
	Chi phí khảo sát trung bình 1km sông		Gxd/100	11.551.229
	Làm tròn:			11.551.000
Bảng chữ: Mười một triệu năm trăm năm mươi một nghìn đồng chẵn./.				

BẢNG TỔNG HỢP KINH PHÍ HẠNG MỤC
CÔNG TRÌNH: CẮM MỐC TUYẾN SÔNG RẠCH DO CẤP HUYỆN QUẢN LÝ
HẠNG MỤC: CÔNG TÁC ĐỊNH VỊ MỐC

STT	Khoản mục chi phí	Ký hiệu	Cách tính	Thành tiền
1	Vật liệu	VL	A1	47.831
	- Đơn giá vật liệu	A1	Theo bảng tổng hợp vật liệu	47.831
2	Nhân công	NC	hsnc	516.340
	- Đơn giá nhân công	B1	Theo bảng tổng hợp nhân công	516.340
	- Nhân hệ số điều chỉnh	hsnc	B1	516.340
3	Máy thi công	M	hsm	24.265
	- Đơn giá máy	C1	Theo bảng tổng hợp máy	24.265
	- Nhân hệ số điều chỉnh	hsm	C1	24.265
I	CHI PHÍ TRỰC TIẾP	T	VL + NC + M	588.436
II	CHI PHÍ GIÁN TIẾP			0
1	Chi phí chung	C	NC x 65%	335.621
2	Chi phí nhà tạm để ở và điều hành thi công	LT	T x 1,1%	6.473
3	Chi phí một số công việc không xác định được khối lượng từ thiết kế	TT	T x 2,5%	14.711
	TỔNG CHI PHÍ GIÁN TIẾP	GT	C + LT + TT	356.805
III	THU NHẬP CHỊU THUẾ TÍNH TRƯỚC	TL	(T + GT) x 6,0%	56.714
	Chi phí xây dựng trước thuế	G	T + GT + TL	1.001.955
IV	THUẾ GIÁ TRỊ GIA TĂNG	GTGT	G x 10%	100.196
	Chi phí xây dựng sau thuế	Gxd	G + GTGT	1.102.000
Bảng chữ: Một triệu một trăm linh hai nghìn đồng chẵn./.				

BẢNG TỔNG HỢP KINH PHÍ HẠNG MỤC
CÔNG TRÌNH: CẮM MỐC TUYẾN SÔNG RẠCH DO CẤP HUYỆN QUẢN LÝ
HẠNG MỤC: ĐÚC MỐC, VẬN CHUYỂN, CHÔN MỐC

STT	Khoản mục chi phí	Ký hiệu	Cách tính	Thành tiền
1	Vật liệu	VL	A1	171.157
	- Đơn giá vật liệu	A1	Theo bảng tổng hợp vật liệu	171.157
2	Nhân công	NC	hsnc	238.671
	- Đơn giá nhân công	B1	Theo bảng tổng hợp nhân công	238.671
	- Nhân hệ số điều chỉnh	hsnc	B1	238.671
3	Máy thi công	M	hsm	150.479
	- Đơn giá máy	C1	Theo bảng tổng hợp máy	150.479
	- Nhân hệ số điều chỉnh	hsm	C1	150.479
I	CHI PHÍ TRỰC TIẾP	T	VL + NC + M	560.308
II	CHI PHÍ GIÁN TIẾP			0
1	Chi phí chung	C	$T \times 5,5\%$	30.817
2	Chi phí nhà tạm để ở và điều hành thi công	LT	$T \times 1,1\%$	6.163
3	Chi phí một số công việc không xác định được khối lượng từ thiết kế	TT	$T \times 2,0\%$	11.206
	TỔNG CHI PHÍ GIÁN TIẾP	GT	$C + LT + TT$	48.186
III	THU NHẬP CHỊU THUẾ TÍNH TRƯỚC	TL	$(T + GT) \times 5,5\%$	33.467
	Chi phí xây dựng trước thuế	G	T + GT + TL	641.961
IV	THUẾ GIÁ TRỊ GIA TĂNG	GTGT	$G \times 10\%$	64.196
	Chi phí xây dựng sau thuế	Gxd	G + GTGT	706.000
Bảng chữ: Bảy trăm linh sáu nghìn đồng chẵn./.				

Phụ lục 04a (Vi phạm trước năm 1997)
Chi phí bồi thường công trình nhà ở, vật kiến trúc ven sông, kênh rạch trên địa bàn tỉnh
(Kèm theo Kế hoạch số 316/KH-UBND ngày 24 tháng 9 năm 2024 của UBND tỉnh Đồng Tháp)

TT	Địa bàn	Giá trị phần diện tích xây dựng công trình/ nhà ở lấn chiếm ven sông, kênh rạch, theo 100% đơn giá xây dựng mới (triệu đồng)													Giá trị xây dựng đối với 5.429 trường hợp (triệu đồng)	Giá trị xây dựng đối với 2.715 trường hợp (triệu đồng)
		Công trình						Nhà ở								
		Dạng kết cấu nhà				Dạng công trình khác		Kiên cố (mục 3.1 phiếu)		Bán kiên cố (mục 3.2 phiếu)			Tạm bợ (mục 3.3 phiếu)			
		Khẩu độ ≤ 12m, cao ≤ 6m		Khẩu độ ≤ 15m, cao ≤ 9m		Dạng kê	Dạng sàn BTCT,gỗ	01 Tầng	02 Tầng	Mái lá	Mái tôn	Mái ngói	Mái lá	Mái tôn		
		Cột BTCT	Cột thép	Cột BTCT	Cột thép											
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
	Toàn tỉnh	12.762	8.178	20.916	22.500	50.981	6.676	449.342	44.498	3.505	454.344	89.267	394	40.728	1.204.092	602.046
1	TP.Cao Lãnh	136,710	-	-	-	27.653,400	141,450	31.747,664	1.035,538	443,754	29.810,046	4.172,910	5,120	1.900,080	97,047	48.523
2	TP.Sa Đéc	596,750	661,128	-	281,715	915,300	426,420	4.575,408	487,312	-	13.534,632	590,240	0,000	1.768,520	23.837	11.919
3	TP.Hồng Ngự	-	1.314,432	3.638,632	-	486,000	103,500	11.325,488	1.940,546	320,400	61.938,630	10.001,530	49,920	16.445,000	107,564	53.782
4	Tân Hồng	1.171,800	880,200	92,704	-	1.798,200	135,240	3.604,288	456,855	-	6.094,008	217,000	7,680	963,040	15,421	7.711
5	Hồng Ngự	683,550	-	-	-	1.822,500	-	48.839,376	5.351,730	96,120	119.340,990	33.799,920	61,440	2.331,160	212,327	106.163
6	Tam Nông	1.670,900	70,416	-	-	-	328,440	32.916,192	1.257,439	-	34.371,042	8.376,200	130,880	5.365,360	84,487	42.243
7	Tháp Mười	2.289,350	1.643,040	3.574,898	-	810,000	2.311,500	53.940,144	2.928,223	424,530	25.290,894	1.065,470	-	1.376,440	95,654	47.827
8	Cao Lãnh	-	293,400	-	-	97,200	148,350	37.421,552	1.044,240	72,090	23.754,078	4.374,720	-	2.494,960	69,701	34.850
9	Thanh Bình	763,840	179,952	1.419,530	-	3.114,450	79,350	41.264,640	4.672,974	123,354	42.855,864	17.963,260	19,200	2.686,840	115,143	57.572
10	Lấp Vò	1.197,840	2.190,720	-	-	4.110,750	1.978,230	45.569,408	16.703,489	1.406,556	49.277,016	4.739,280	52,800	2.292,160	129,518	64.759
11	Lai Vung	1.158,780	489,000	-	-	1.020,600	84,870	29.423,344	1.570,711	-	24.014,652	1.851,010	16,640	1.798,680	61,428	30.714
12	Châu Thành	3.092,250	455,748	12.190,576	22.217,923	9.153,000	939,090	108.714,496	7.048,620	618,372	24.062,202	2.115,750	50,240	1.305,720	191,964	95.982

Phụ lục 04b (Vi phạm từ năm 1997 về sau)
Chi phí hỗ trợ (50%) bồi thường công trình nhà ở, vật kiến trúc lấn, chiếm sông, kênh rạch trên địa bàn tỉnh
(Kèm theo Kế hoạch số 36/KH-UBND ngày 24 tháng 9 năm 2024 của UBND tỉnh Đồng Tháp)

TT	Địa bàn	Giá trị phần diện tích xây dựng công trình/ nhà ở lấn chiếm ven sông, kênh rạch, theo 50% đơn giá xây dựng mới (triệu đồng)													Giá trị xây dựng đối với 34.428 trường hợp (triệu đồng)	Giá trị xây dựng đối với 16.714 trường hợp (triệu đồng)
		Công trình						Nhà ở								
		Dạng kết cấu nhà				Dạng công trình khác		Kiến cổ (mục 3.1 phiếu)		Bán kiến cổ (mục 3.2 phiếu)			Tạm bợ (mục 3.3 phiếu)			
		Khẩu độ ≤ 12m, cao ≤ 6m		Khẩu độ ≤ 15m, cao ≤ 9m		Dạng kê	Dạng sàn BTCT,gỗ	01 Tầng	02 Tầng	Mái lá	Mái tôn	Mái ngói	Mái lá	Mái tôn		
		Cột BTCT	Cột thép	Cột BTCT	Cột thép											
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
	Toàn tỉnh	52.145	30.642	19.209	10.935	116.190	31.166	1.051.647	72.807	8.805	923.928	21.832	1.722	99.444	2.440.472	1.220.236
1	TP.Cao Lãnh	1.192,415	1.663,578	1.300,753	241,470	24.589,575	3.096,030	70.665,696	5.919,536	181,827	62.818,305	1.884,645	89,760	3.571,880	177.215	88.608
2	TP.Sa Đéc	194,215	385,332	-	-	5.896,800	3.450,345	3.607,472	348,080	85,707	7.722,120	228,935	55,840	974,220	22.949	11.475
3	TP.Hồng Ngự	273,420	1.392,672	289,700	5.691,985	7.049,025	2.502,285	15.257,728	2.175,500	108,135	80.526,876	803,985	111,360	10.117,640	126.300	63.150
4	Tân Hồng	3.719,380	2.681,676	-	-	4.311,225	4.048,575	52.297,200	2.775,938	75,294	59.300,556	281,015	82,400	11.170,640	140.744	70.372
5	Hồng Ngự	10.188,150	475,308	-	-	3.156,975	387,090	149.117,864	8.510,556	-	170.459,142	4.960,620	52,000	8.094,840	355.403	177.701
6	Tam Nông	6.239,835	1.324,212	3.302,580	-	7.982,550	3.632,505	164.380,368	7.836,151	825,831	155.476,137	5.188,470	213,600	19.083,220	375.485	187.743
7	Tháp Mười	8.853,600	2.742,312	1.770,067	603,675	12.494,250	1.826,775	142.646,384	5.721,565	2.250,009	81.047,073	1.182,650	579,200	7.626,840	269.344	134.672
8	Cao Lãnh	2.420,635	1.241,082	848,821	-	5.331,825	1.188,870	159.656,904	7.168,273	1.202,301	83.868,690	135,625	253,440	9.067,760	272.384	136.192
9	Thanh Bình	3.282,125	4.528,140	188,305	-	7.723,350	2.708,250	90.954,144	5.623,668	509,436	119.755,626	4.410,525	207,680	14.285,960	254.177	127.089
10	Lấp Vò	5.383,770	4.077,282	133,262	-	11.143,575	4.095,150	49.740,448	18.685,370	2.636,091	30.962,658	2.238,355	10,400	8.985,080	138.091	69.046
11	Lai Vung	4.868,395	2.481,186	3.206,979	284,398	7.543,125	1.820,220	38.357,648	2.645,408	313,992	43.301,883	437,255	34,560	4.909,060	110.204	55.102
12	Châu Thành	5.529,160	7.648,938	8.168,092	4.113,039	18.968,175	2.409,480	114.964,688	5.397,416	616,770	28.688,817	80,290	31,840	1.556,880	198.174	99.087

Phụ lục 05
Nguồn vốn thực hiện chương trình
(Kèm theo Kế hoạch số 36/KH-UBND ngày 24 tháng 9 năm 2024 của UBND tỉnh Đồng Tháp)

Đơn vị: tỷ đồng

STT	Nội dung	Đơn vị thực hiện	Giá trị	Phân kỳ thực hiện	Nguồn vốn
I	Kinh phí cho việc không để phát sinh các trường hợp lấn, chiếm mới		112,940		
1	Dự toán chi phí thực hiện công tác tập huấn, tuyên truyền pháp luật, lập đường dây nóng; Chi phí hỗ trợ khóm, ấp tổ chức thực hiện giám sát để chủ động kịp thời phát hiện các trường hợp xây dựng công trình vi phạm trên địa bàn; Chi phí công tác thực hiện khảo sát lại; Ứng dụng công nghệ thông tin trong thực hiện quản lý ngăn chặn phát sinh các công trình vi phạm mới.	Cấp huyện, các Sở có liên quan	5,599	- Năm 2024: thực hiện các công tác chuẩn bị - Năm 2025: 5,599 tỷ	Kinh phí sử dụng từ nguồn ngân sách nhà nước theo phân cấp.
1.1	Dự toán chi phí thực hiện công tác tập huấn, tuyên truyền pháp luật, lập đường dây nóng	Cấp huyện, các Sở có liên quan	1,740	Năm 2025: 1,740 tỷ Trong đó: - Các Sở: Xây dựng, Giao thông, Tài nguyên và Môi trường, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, mỗi đơn vị 75 triệu đồng/năm. - Đối với 12 huyện, thành phố mỗi đơn vị 120 triệu đồng/năm.	- Cấp tỉnh: Vốn Ngân sách nhà nước chi thường xuyên. - Cấp huyện: Nguồn ngân sách nhà nước theo phân cấp.
1.2	Chi phí hỗ trợ khóm, ấp tổ chức thực hiện giám sát để chủ động kịp thời phát hiện các trường hợp xây dựng công trình vi phạm trên địa bàn	Cấp huyện	2,094	Năm 2025: 2,094 tỷ Trong đó có 698 xã mỗi xã được hỗ trợ 3 triệu/năm	
1.3	Chi phí công tác thực hiện khảo sát lại	Cấp huyện	0,31	Thực hiện vào cuối năm 2025	
1.4	Chi phí Ứng dụng công nghệ thông tin trong thực hiện quản lý ngăn chặn phát sinh các công trình vi phạm mới	Sở Xây dựng	1,455	Sở Xây dựng Thực hiện đến năm 2025	
2	Kinh phí lắp đặt mốc chỉ giới hành lang bảo vệ luồng đường thủy nội địa, hành lang bảo vệ công trình thủy lợi, đất công tại các vị trí bị lấn chiếm	Cấp huyện	25,283	Thực hiện đến năm 2025	
3	Kinh phí lập quy hoạch chỉnh trang, lập quy chế quản lý		82,058	Thực hiện đến năm 2025	
II	Kinh phí xem xét bồi thường, hỗ trợ công trình, nhà ở, vật kiến trúc cho các trường hợp đã lấn, chiếm trước đây		403		
2.1	Trước năm 1997	Cấp huyện	134	Thực hiện đến năm 2025	Huy động, lồng ghép từ các chương trình, kế hoạch, dự án được cấp thẩm quyền phê duyệt và các nguồn vốn hợp pháp khác
2.2	Từ năm 1997 về sau		269		
Tổng			515,940		

Phụ lục 06

Số lượng công trình, nhà ở xây dựng lần, chiếm sông, kênh, rạch trên địa bàn tỉnh phần đầu giải quyết (giai đoạn 2024-2025)

(Kèm theo Kế hoạch số **3/6**/KH-UBND ngày **24** tháng **9** năm 2024 của UBND tỉnh Đồng Tháp)

STT	Địa phương	Số lượng công trình, nhà ở lần, chiếm		
		Nhà ở	Công trình	Tổng cộng
1	Thành phố Cao Lãnh	312	60	372
2	Thành phố Sa Đéc	96	42	137
3	Thành phố Hồng Ngự	292	15	307
4	Huyện Tân Hồng	314	51	365
5	Huyện Hồng Ngự	582	9	590
6	Huyện Tam Nông	594	31	625
7	Huyện Tháp Mười	384	25	409
8	Huyện Cao Lãnh	509	20	529
9	Huyện Thanh Bình	495	44	539
10	Huyện Lấp Vò	296	93	389
11	Huyện Lai Vung	337	53	389
12	Huyện Châu Thành	251	97	348
Tổng		4.461	539	5.000

Phụ lục 07

Bảng tổng hợp số lượng dự án, hạng mục công trình kè, xử lý chống sạt lở, kết hợp chỉnh trang đô thị trên địa bàn Tỉnh

(Kèm theo Kế hoạch số **316**/KH-UBND • ngày **24** tháng **9** năm 2024 của UBND Tỉnh)

TT	Tên dự án	Tổng mức đầu tư	Nguồn vốn	Quy mô đầu tư
1	Xử lý sạt lở bờ sông Tiền khu vực An Lạc, thành phố Hồng Ngự và khu vực Tịnh Thới, thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp	1.121 tỷ đồng	- NSTW: 900 tỷ đồng; - NST: 221 tỷ đồng.	4,1km
2	Kè Hồ Cự, xã Hòa An, thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp (nối dài hạ lưu)	287 tỷ đồng	NSTW	2,7km
3	Xử lý sạt lở bờ sông Tiền khu vực xã Bình Hàng Trung, huyện Cao Lãnh (giai đoạn 2)	386 tỷ đồng	NSTW	3,2km
4	Phòng chống sạt lở bờ sông để bảo vệ dân cư tại các khu vực xung yếu trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp (khu vực xã Long Thuận và Phú Thuận A, huyện Hồng Ngự)	300 tỷ đồng	NST	GD 1: 0,701km GD 2: 1,121km GD 3: 0,905km
5	Kè Hồ Cự, thành phố Cao Lãnh (từ kè giai đoạn nối dài đến cầu Cao Lãnh), tỉnh Đồng Tháp	278 tỷ đồng	- NSTW: 250 tỷ đồng; - NST: 27,939 tỷ đồng.	2,2km